

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 845 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
12 tháng 3 năm 2018
Số: 122
ĐỀN Ngày: 12.1.2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi tên và mã các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi tên và mã số các ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội theo tên và mã số các ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Danh sách các ngành đào tạo của Trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ VH, TT & DL (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.



Nguyễn Văn Phúc

Chuyển
- P. Đào tạo - Q. KH
- Khoa SAH
19.3.2018



DANH SÁCH CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 845/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trình độ	Ngành đào tạo hiện tại của Trường			Ngành đào tạo của Trường theo Thông tư 24 và 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	TS	62210231	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh - truyền hình	833/QĐ/BGDĐT, 28/02/2012	9210231	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình
2	TS	62210221	Lý luận và lịch sử sân khấu	833/QĐ/BGDĐT, 28/02/2012	9210221	Lý luận và lịch sử sân khấu
3	ThS	60210232	Nghệ thuật điện ảnh - truyền hình	2533/QĐ/BGD&ĐT, 13/06/2000	8210232	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình
4	ThS	60210222	Nghệ thuật sân khấu	2533/QĐ/BGD&ĐT, 13/06/2000	8210232	Nghệ thuật sân khấu
5	DH	52210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu - điện ảnh	372/CP, 17/12/1980	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh
6	DH	52210302	Công nghệ điện ảnh - truyền hình	1337/QĐ-BGDĐT, 30/03/2005	7210302	Công nghệ điện ảnh, truyền hình
7	ĐH	52210301	Nhiếp ảnh	372/CP, 17/12/1980	7210301	Nhiếp ảnh
8	ĐH	52210244	Huấn luyện múa	372/CP, 17/12/1980	7210244	Huấn luyện múa
9	DH	52210243	Biên đạo múa	372/CP, 17/12/1980	7210243	Biên đạo múa
10	DH	52210236	Quay phim	372/CP, 17/12/1980	7210236	Quay phim
11	ĐH	52210235	Đạo diễn điện ảnh - truyền hình	372/CP, 17/12/1980	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình
12	ĐH	52210234	Diễn viên kịch - điện ảnh	372/CP, 17/12/1980	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình

TT	Trình độ	Ngành đào tạo hiện tại của Trường			Ngành đào tạo của Trường theo Thông tư 24 và 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
13	ĐH	52210233	Biên kịch điện ảnh - truyền hình	372/CP, 17/12/1980	7210233	Biên kịch điện ảnh, truyền hình
14	ĐH	52210231	Lý luận và phê bình điện ảnh - truyền hình	372/CP, 17/12/1980	7210231	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình
15	ĐH	52210227	Đạo diễn sân khấu	372/CP, 17/12/1980	7210227	Đạo diễn sân khấu
16	ĐH	52210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	372/CP, 17/12/1980	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát
17	ĐH	52210225	Biên kịch sân khấu	372/CP, 17/12/1980	7210225	Biên kịch sân khấu
18	ĐH	52210221	Lý luận và phê bình sân khấu	372/CP, 17/12/1980	7210221	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu
19	ĐH	52210203	Sáng tác âm nhạc	372/CP, 17/12/1980	7210203	Sáng tác âm nhạc

Danh sách gồm 19 ngành, trong đó 02 ngành trình độ tiến sĩ (TS), 02 ngành trình độ thạc sĩ (ThS) và 15 ngành trình độ đại học (ĐH)